

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/QĐ-UBND Bình Phước, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số/TTr-STTTT ngàytháng.....năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày...tháng...năm 2025 và thay thế Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 02/08/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quyết định Ban hành quy chế quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – BTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng
Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Bình Phước**
(Kèm theo Quyết định số.../2025/QĐ-UBND ngày...tháng...năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc quản lý, vận hành, kết nối; bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp, quản lý và sử dụng dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD): là mạng kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh với Trung tâm tích hợp dữ liệu (DC) của tỉnh, được tổ chức, quản lý thống nhất, bảo đảm chất lượng, an toàn, bảo mật thông tin; được dùng làm hạ tầng truyền tải phục vụ cho việc trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước với DC của tỉnh..

2. Mạng truy nhập cấp II: là hệ thống mạng có phạm vi kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã, gồm thiết bị đầu cuối, kênh truyền phục vụ kết nối từ mạng nội bộ, TTTHDL của tỉnh và hệ thống thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước sử dụng dịch vụ đến hệ thống mạng trung gian phục vụ chuyển tiếp kết nối giữa mạng nội bộ, DC của tỉnh và hệ thống thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước sử dụng dịch vụ với nhau. Hệ thống này do Sở Khoa học, Công nghệ và Truyền thông là đầu mối, trực tiếp quản lý và vận hành.

3. Đối tượng sử dụng mạng truy nhập cấp II: Là các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

4. Thiết bị đầu cuối mạng truy nhập cấp II: Là thiết bị chuyển mạch, thiết bị định tuyến hoặc thiết bị tương đương đặt tại các đơn vị tham gia đầu nối vào hạ tầng Mạng TSLCD.

Điều 3. Danh mục ứng dụng trên Mạng TSLCD

1. Hệ thống Hạng trực tuyến từ tỉnh xuống cấp xã.
2. Hệ thống Trục kết nối liên thông văn bản; Nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).
3. Các hệ thống thông tin khác của tỉnh cần an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.
4. Các ứng dụng khác phục vụ cho các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Lắp đặt, quản lý và bảo vệ thiết bị của Mạng TSLCD

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia kết nối Mạng TSLCD có trách nhiệm:

1. Bố trí nơi lắp đặt thiết bị phục vụ kết nối Mạng TSLCD trên thiết bị chuyên dụng và trong điều kiện môi trường đảm bảo về nhiệt độ, nguồn điện, an ninh.
2. Phân công cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách Công nghệ thông tin (CNTT) trực tiếp quản lý, bảo quản, theo dõi quá trình hoạt động của các thiết bị kết nối.
3. Không tự ý thay đổi vị trí, mô hình thiết kế, cấu hình liên quan đến kết nối Mạng TSLCD như: vị trí đặt thiết bị, địa chỉ lớp mạng, thông tin cấu hình các thiết bị liên quan.
4. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn cho hệ thống mạng và có kế hoạch thực hiện bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị.
5. Bảo đảm kết nối Mạng TSLCD thông suốt với DC tỉnh, hoạt động ổn định 24 giờ một ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KẾT NỐI VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN

Điều 5. Nguyên tắc quản lý, vận hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm quản lý chung toàn bộ hệ thống, phục vụ thông tin kịp thời cho UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; cung cấp thông tin cho các đơn vị khác do tỉnh trực tiếp quản lý; cung ứng thông tin cho các pháp nhân khác không do tỉnh trực tiếp quản lý và các cá nhân tham gia Mạng TSLCD của tỉnh khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Cụ thể như sau:

a) Làm đầu mối phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ Mạng TSLCD của tỉnh và các bộ phận hoặc cá nhân được giao nhiệm vụ quản trị mạng tại các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD trong việc vận hành, xử lý và khắc phục sự cố mạng;

b) Quản lý hệ thống tường lửa của DC tỉnh khi kết nối với Mạng TSLCD;

c) Quản lý tập trung người dùng mạng riêng ảo của cơ quan được thiết lập (nếu có) trên nền tảng Mạng TSLCD;

d) Sở hữu và quản lý các chính sách khai thác ứng dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh thông qua Mạng TSLCD;

đ) Giám sát, xử lý các sự cố, lỗi xảy ra liên quan về kết nối, an toàn thông tin của Mạng TSLCD;

e) Phối hợp, hỗ trợ các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD trong việc xây dựng các giải pháp an toàn thông tin và khắc phục sự cố mất an toàn thông tin;

g) Đề xuất các giải pháp giám sát, cảnh báo, ngăn chặn cho mạng nội bộ các đơn vị kết nối vào Mạng TSLCD chống nguy cơ xâm nhập trái phép qua Internet;

h) Tư vấn các dịch vụ về bảo trì, bảo dưỡng mạng nội bộ, máy tính và các thiết bị mạng, giải pháp phòng, chống mã độc, đánh giá về kỹ thuật an toàn mạng cho các hệ thống thông tin của các đơn vị sử dụng Mạng TSLCD;

i) Tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng TSLCD, các quy định của pháp luật về viễn thông, về chế độ bảo mật, an toàn thông tin.

2. DC của tỉnh do Sở Khoa học, Công nghệ và Truyền thông quản lý, là nơi lắp đặt các hạ tầng thiết bị phục vụ kết nối, vận hành, lưu trữ dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh.

3. Các thiết bị và phần mềm có liên quan được UBND tỉnh trang cấp cho các đơn vị để tham gia vào Mạng TSLCD là tài sản của Nhà nước được giao cho

các đơn vị sử dụng, được Sở Khoa học, Công nghệ và Truyền thông thống nhất quản lý.

4. Giao thức kết nối mạng giữa các mạng thành viên và mạng liên kết vào Mạng TSLCD của tỉnh là giao thức TCP/IP.

5. Mạng TSLCD của tỉnh là mạng riêng, có địa chỉ IP, tên miền và các tham số mạng được quản lý thống nhất chung trên địa bàn toàn tỉnh, được kết nối trực tiếp về thiết bị do Cục Bưu điện Trung ương quản lý.

Điều 6. Quy định về kết nối, địa chỉ IP và định tuyến

1. Mô hình kết nối

a) Đảm bảo tuân thủ theo mô hình 4 được hướng dẫn tại Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Quyết định số 8/2023/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng TSLCD phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

b) Việc kết nối vào mạng Internet của các mạng thành viên, mạng liên kết và cá nhân phải tuân theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Địa chỉ IP

a) Tài nguyên địa chỉ IP sử dụng phải bảo đảm thống nhất, được quy hoạch, không trùng lặp giữa các dịch vụ đang hoạt động tại TTTHDL của tỉnh và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh;

b) Địa chỉ IP được sử dụng phải tuân thủ theo hướng dẫn của Cục Bưu điện Trung ương và do Cục Bưu điện Trung ương quản lý;

c) Các cơ quan, đơn vị phải sử dụng đúng địa chỉ IP đã được quy hoạch, đảm bảo đúng mục đích và phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Định tuyến

Định tuyến Mạng TSLCD phải tuân thủ theo hướng dẫn, cơ chế quản lý, thiết lập các chính sách của Cục Bưu điện Trung ương và phải đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng

1. Hệ thống thông tin kết nối vào mạng truy nhập cấp II thực hiện đảm bảo theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

2. Sở Thông tin và Truyền thông, các tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ Mạng TSLCD, khi được giao quản lý tài khoản giám sát phải lưu giữ, bảo mật thông tin tài khoản, mật khẩu đăng nhập, định kỳ thay đổi và sử dụng mật khẩu

đảm bảo an toàn thông tin.

3. Thông tin giám sát an toàn thông tin mạng của thiết bị, hệ thống thông tin kết nối Mạng TSLCD được chia sẻ về Trung tâm điều hành mạng theo hướng dẫn của Cục Bưu điện Trung ương.

4. Máy chủ, máy trạm và thiết bị công nghệ thông tin khác kết nối vào Mạng TSLCD phải được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và được giám sát an toàn thông tin mạng tập trung.

5. Yêu cầu tối thiểu đối với thiết bị đầu cuối thực hiện đảm bảo theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT.

Điều 8. Chất lượng dịch vụ

Các đơn vị cung cấp, quản lý dịch vụ Mạng TSLCD có trách nhiệm:

1. Đảm bảo độ khả dụng dịch vụ mạng truy nhập cấp II lớn hơn hoặc bằng 99,90%.

2. Thời gian khôi phục sự cố mất kết nối Mạng TSLCD (kể từ lúc nhận được thông báo của các cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ hoặc từ các hệ thống thiết bị của đơn vị cung cấp dịch vụ đến lúc kết nối được khôi phục, các cơ quan, tổ chức sử dụng lại được các dịch vụ) không bao gồm các nguyên nhân bất khả kháng như: bão, lũ lụt, động đất, hỏa hoạn đáp ứng tiêu chí:

- a) Không quá 02 giờ đối với lỗi do kênh truyền vật lý;
- b) Không quá 30 phút đối với lỗi do kênh truyền logic.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm Sở Thông tin và Truyền thông

1. Thực hiện trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động Mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh.

2. Ban hành kế hoạch triển khai kết nối, chuẩn hóa mạng, đưa các dịch vụ, ứng dụng dùng chung của tỉnh lên sử dụng Mạng TSLCD. Thực hiện quy hoạch và thông báo danh sách địa chỉ IP cho các đơn vị sử dụng hằng năm.

3. Đề xuất dung lượng băng thông đường truyền của Mạng TSLCD phù hợp với nhu cầu sử dụng trên địa bàn tỉnh.

4. Phối hợp Cục Bưu điện Trung ương quản lý tài khoản giám sát, quản lý tập trung, thường xuyên giám sát và phối hợp xử lý sự cố trên địa bàn, đảm bảo hoạt động của Mạng TSLCD là 24 giờ một ngày và 07 ngày trong một tuần.

5. Phối hợp với doanh nghiệp viễn thông trong công tác triển khai kết nối

và xử lý sự cố đối với mạng truy nhập cấp II.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Căn cứ vào khả năng ngân sách tỉnh để cân đối ngân sách hàng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm triển khai các nhiệm vụ, duy trì hoạt động Mạng TSLCD trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách.

Điều 11. Trách nhiệm doanh nghiệp viễn thông

1. Tổ chức thực hiện các quy định về dịch vụ, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng theo quy định tại Quyết định này và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Bảo đảm hoạt động hạ tầng truyền dẫn phục vụ mạng truy nhập cấp II.

3. Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai kết nối Mạng TSLCD bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, chất lượng, an toàn và bảo mật thông tin.

4. Thực hiện cung cấp dịch vụ bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn thông tin mạng quy định tại Thông tư và pháp luật liên quan hiện hành.

5. Tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp hạ tầng kết nối cho mạng truy nhập cấp II có trách nhiệm xác định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.

6. Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý sự cố kỹ thuật, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

7. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 12 của Thông tư 19/2023/TT-BTTTT.

Điều 12. Trách nhiệm cá nhân, đơn vị sử dụng dịch vụ

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm:

a) Tổ chức, phân công trách nhiệm cụ thể cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT thực hiện quản trị, đảm bảo hoạt động, an toàn của hệ thống mạng nội bộ (LAN), phối hợp vận hành và sử dụng Mạng TSLCD theo quy định trong Quy chế này.

b) Quản lý, khai thác và bảo vệ thiết bị mạng của điểm kết nối đặt tại cơ quan mình theo quy định về Mạng TSLCD, đồng thời chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên Mạng TSLCD theo đúng quy định pháp luật.

c) Ban hành quy định, quy chế quản lý, hồ sơ đề xuất cấp độ cho mạng nội bộ tại đơn vị.

2. Các cá nhân đăng ký tham gia vào Mạng TSLCD của tỉnh thông qua mạng nội bộ tại đơn vị của mình phải tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật và an toàn của hệ thống mạng.

3. Các đơn vị, tổ chức và cá nhân muốn tham gia Mạng TSLCD của tỉnh phải thực hiện thủ tục đăng ký về Sở Thông tin và Truyền thông để làm căn cứ đăng ký với Cục Bưu điện Trung ương theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2023/TT-BTTTT và phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ Mạng TSLCD có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành, sử dụng Mạng TSLCD phản ánh về Sở Khoa học, Công nghệ và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.